

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HÒA  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/ HNGĐ-ST**

Ngày 28 - 4 - 2025

*V/v: Yêu cầu ly hôn, nuôi con  
chung, vay nợ chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Oanh và ông Ma Vĩnh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lục Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, vay nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 357/2025/QĐST-DS ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Ma Thị T**, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

*Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Chị T, anh T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Ma Thị T trình bày: Chị T và anh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng ngày 13/8/2012,

việc đăng ký do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại nhà anh T1, chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành và anh chị đã chính thức ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên là Hoàng Thị Kim O, sinh ngày 28/10/2012, hiện nay đang ở với anh Hoàng Văn T1 và gia đình tại xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn tôi nhất trí để anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 25.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng còn nợ 15.000.000 đồng. Chị T tự nguyện trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q. Ngày 10/02/2025 chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nợ chung do chị đã tự nguyện trả toàn bộ số tiền này.

Về phía bị đơn Hoàng Văn T1: Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh đều trốn tránh, vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm, tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc đến nơi cư trú của anh T1 để xác minh. Tại biên bản lấy lời khai bà Mông Thị S – là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T1 xác nhận: Gia đình đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án triệu tập Hoàng Văn T1 đến Tòa để giải quyết việc ly hôn và gia đình có thông báo cho anh T1 biết. Nhưng do anh T1 bận đi làm nên không xin nghỉ để về được, hiện nay gia đình không biết anh T1 làm việc ở đâu. Ngoài ra, bà S cho biết trong thời gian chung sống hai vợ chồng chị T và anh T1 thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2021 đến nay không về thăm gia đình.

Sau khi Tòa án niêm yết công khai các văn bản theo quy định ngày 24/4/2025 anh T1 có đến Tòa án để ghi nhận lời khai và nêu ý kiến quan điểm của mình như sau: Anh T1 nhất trí ly hôn với chị Ma Thị T. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Thị Kim O, sinh ngày 28/10/2012 đến khi con trưởng thành và không

yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh T1 đã trở về sinh sống tại địa phương nhưng do bận công việc làm ăn nên đề nghị vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/4/2025.

Theo Công văn số 22/TGTT-NHCS ngày 03/2/2025 Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Q có ý kiến như sau: Ngày 23/12/2024 Chị Ma Thị T đã trả toàn bộ số nợ gốc 15.000.000 đồng cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q theo hợp đồng tín dụng số 6600000711724949. Do chị T đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc nên Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Q đề nghị không tham gia tố tụng đối với vụ án xin ly hôn của chị Ma Thị T và anh Hoàng Văn T1.

Tại phiên tòa chị Ma Thị T và anh Hoàng Văn T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn được triệu tập nhưng không đến Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị T. Chị Ma Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên là Hoàng Thị Kim O, sinh ngày 28/10/2012, hiện nay đang ở với gia đình anh Hoàng Văn T1 tại xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, giao con chung cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Anh T1 tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T1 có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 25.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng đến thời điểm chị T xin ly hôn còn nợ 15.000.000 đồng. Chị

Ma Thị T tự nhận mình sẽ là người trực tiếp trả nợ số là 15.000.000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q. Không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ trả số nợ trên.

- Về án phí: Căn cứ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Do có đơn xin miễn án phí nên chị T được miễn án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:*

Chị Ma Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Hoàng Văn T1, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ma Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 không chấp hành đúng quy định của điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đến ngày 24/4/2025 anh T1 đã đến Tòa án để ghi ý kiến và nguyện vọng của mình sau khi ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

#### *[3] Về nội dung vụ án:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Chị T và anh T1 xác định nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân, mỗi người sống một nơi không ai hỏi han, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Xét thấy mâu thuẫn của chị T, anh T1 đã đến mức

trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với thực tế và đúng với các quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên là Hoàng Thị Kim O, sinh ngày 28/10/2012, hiện nay đang ở với anh Hoàng Văn T1 tại xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Xét nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Kim O sau khi bố mẹ cháu ly hôn là được ở với bố Hoàng Văn T1. Ngoài ra, chị T và anh T1 đều nhất trí để anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

\* Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

\* Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T1 có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 25.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng đến thời điểm chị T xin ly hôn còn nợ 15.000.000 đồng. Theo Công văn số 22/TGTT-NHCS ngày 03/2/2025 Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Q, ngày 23/12/2024 Chị Ma Thị T đã trả toàn bộ số nợ gốc 15.000.000 đồng cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q theo hợp đồng tín dụng số 6600000711724949. Phòng giao dịch huyện Q đề nghị không tham gia tố tụng đối với vụ án xin ly hôn của chị Ma Thị T và anh Hoàng Văn T1. Ngoài ra, ngày 10/02/2025 chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung của hai vợ chồng do chị đã tự trả toàn bộ số nợ gốc và phía Ngân hàng cũng nhất trí không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của người khởi kiện.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Ma Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ma Thị T.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

**2.** Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Kim O, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2012 cho anh Hoàng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Về tài sản chung: Chị Ma Thị T và anh Hoàng Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

**4.** Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện giải quyết về vay nợ chung.

**5.** Về án phí: Chị Ma Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**6.** Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Hòa;
- UBND xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hoàng Thuý Quỳnh**

